

GIÁ TRỊ HỌC THUYẾT CỦA MÁC VỀ CON NGƯỜI VÀ GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY

TS. Lê Kinh Nam

(Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu)

Tóm tắt

Vấn đề con người và giải phóng con người khỏi mọi sự khổ đau, đem lại cho con người một cuộc sống tự do, hạnh phúc là khát vọng ngàn đời của nhân loại và cũng là điều quan tâm lớn nhất của các nhà tư tưởng ở mọi thời đại mà C. Mác không chỉ là một trong những nhà tư tưởng ấy, mà còn vượt lên trên họ, trở thành một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của mọi thời đại, người sáng lập học thuyết về sự tự giải phóng của con người. Bài viết tập trung phân tích quan điểm của Mác về con người, bản chất con người và sự giải phóng con người, vẫn còn mang ý nghĩa thời đại.

Nội dung

1. Quan điểm của các nhà triết học trước Mác về con người

Có thể nói vấn đề con người là một trong những vấn đề quan trọng nhất của thế giới từ trước tới nay. Đó là vấn đề mà luôn được các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu phân tích một cách sâu sắc nhất. Không những thế trong nhiều đề tài khoa học của xã hội xưa và nay thì đề tài con người là một trung tâm được các nhà nghiên cứu cổ đại đặc biệt chú ý. Các lĩnh vực tâm lý học, sinh học, y học, triết học, xã hội học.v.v... Từ rất sớm trong lịch sử đã quan tâm đến con người và không ngừng nghiên cứu về nó. Mỗi lĩnh vực nghiên cứu đó đều có ý nghĩa riêng đối với sự hiểu biết và làm lợi cho con người.

Hơn bất cứ một lĩnh vực nào khác, lĩnh vực triết học lại có nhiều mâu thuẫn trong quan điểm, nhận thức và nó đã gây nên sự đấu tranh không biết khi nào dừng. Những lập trường chính trị trình độ nhận thức và tâm lý của những người nghiên cứu khác nhau và do đó đã đưa ra những tư tưởng và hướng giải quyết khác nhau.

Khi đề cập tới vấn đề con người các nhà triết học để tự hỏi: Thực chất con người là gì và để tìm cách trả lời câu hỏi đó phải giải quyết hàng loạt mâu thuẫn troch chính con người. Khi phân tích các nhà triết học cổ đại coi con người là một tiêu vũ trụ, là một thực thể nhỏ bé trong thế giới rộng lớn, bản chất con người là bản chất vũ trụ. Con người là vật cao quý nhất trong trời đất, là chúa tể của muôn loài. Chi đứng sau thần linh. Con người được chia làm hai phần là phần xác và phần hồn. Chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo thì cho rằng: Phần hồn là do thượng đế sinh ra; quy định, chi phối mọi hoạt động của phần xác, linh hồn con người tồn tại mãi mãi. Chủ nghĩa duy vật thì ngược lại họ cho rằng phần xác quyết định và chi phối phần hồn, không có linh hồn nào là bất tử cả, và quá trình nhận thức đó không ngừng được phát hiện. Càng ngày các nhà triết học tìm ra được bản chất của con người và không ngừng khắc phục lý luận trước đó.

Triết học thế kỷ XV - XVIII phát triển quan điểm triết học về con người trên cơ sở khoa học tự nhiên đã khắc phục và bắt đầu phát triển. Chủ nghĩa duy vật máy móc coi con người như một bộ máy vận động theo một quy luật cố. Học chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thuyết không thể biết một mặt coi cái tôi và cảm giác của cái tôi là trung tâm sáng tạo ra cái không tôi, mặt khác cho rằng cái tôi không có khả năng vượt quá cảm giác của mình nên về

bản chất là nhỏ bé yếu ớt, phụ thuộc đáng tới cao. Các nhà triết học thuộc một mặt đề cao vai trò sáng tạo của lý tính người, mặt khác coi con người, mặt khác coi con người là sản phẩm của tự nhiên và hoàn cảnh.

Các nhà triết học cổ điển Đức, từ Carto đến Heghen đã phát triển quan điểm triết học về con người theo hướng của chủ nghĩa duy tâm. Đặc biệt, Heghen quan niệm con người là hiện thân của ý niệm tuyệt đối là con người ý thức và do đó đời sống con người chỉ được xem xét về mặt tinh thần. Tuy nhiên, Heghen cũng là người đầu tiên thông qua việc xem xét cơ chế hoạt động của đời sống tinh thần mà phát hiện ra quy luật về sự phát triển của đời sống tinh thần cá nhân. Đồng thời Heghen cũng đã nghiên cứu bản chất quá trình tư duy khái quát các quy luật cơ bản của quá trình đó.

Sau khi đoạn tuyệt với chủ nghĩa duy tâm Heghen, Phơ bách đã phê phán tính siêu tự nhiên, phi thể xác trong quan niệm triết học Heghen, ông quan niệm con người là sản phẩm của tự nhiên, có bản năng tự nhiên, là con người sinh học trực quan, phụ thuộc vào hoàn cảnh, ông đã sử dụng thành tựu của khoa học tự nhiên để chứng minh mối liên hệ không thể chia cắt của tư duy với những quá trình vật chất diễn ra trong cơ thể con người, song khi giải thích con người trong mối liên hệ cộng đồng thì phơ bách lại rơi vào lập trường của chủ nghĩa duy tâm.

Như vậy, các quan niệm triết học nói trên đã đi đến những các thức lý luận xem xét người một cách trừu tượng. Đó là kết quả của việc tuyệt đối hoá phân hồn thành con người trừu tượng. Tự ý thức còn chủ nghĩa duy vật trực quan thì tuyệt đối hoá phân xác thành con người trừu tượng. Sinh học, tuy nhiên họ vẫn còn nhiều hạn chế, các quan niệm nói trên đều chưa chú ý đầy đủ đến bản chất con người.

2. Quan điểm của Mác về con người

2.1. Bản chất con người

Mác đã kế thừa và khắc phục những mặt hạn chế đó, đồng thời phát triển những quan niệm về con người đã có trong các học thuyết triết học trước đây để đi tới quan niệm về con người thiện thực, con người thực tiễn cải tạo tự nhiên và xã hội với tư cách là con người hiện thực. Con người vừa là sản phẩm của tự nhiên và xã hội đồng thời vừa là chủ thể cải tạo tự nhiên. Khẳng định "bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội", C. Mác còn tiến hành phân tích vị thế chủ thể, vai trò sáng tạo lịch sử của con người. Xem xét vị thế của con người trong tiến trình phát triển của lịch sử, C. Mác đã đi đến quan niệm rằng, khuynh hướng chung của tiến trình phát triển lịch sử được quy định bởi sự phát triển của lực lượng sản xuất- "kết quả của nghị lực thực tiễn của con người". Hoạt động thực tiễn này, đến lượt nó, lại bị quy định bởi những điều kiện sinh tồn của con người, bởi "một hình thức xã hội đã tồn tại trước khi có những lực lượng sản xuất ấy". Mỗi thế hệ con người bao giờ cũng nhận được những lực lượng sản xuất do thế hệ trước tạo ra và sử dụng chúng làm phương tiện cho hoạt động sản xuất mới. Nhờ sự chuyển giao lực lượng sản xuất này mà con người đã "hình thành nên mối liên hệ trong lịch sử loài người, hình thành lịch sử loài người". Lực lượng sản xuất và do đó, cả quan hệ sản xuất - quan hệ xã hội của con người, ngày càng phát triển thì "lịch sử đó càng trở thành lịch sử loài người". Với quan niệm này, C. Mác kết luận: "Xã hội... là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người",

"lịch sử xã hội của con người luôn chỉ là lịch sử của sự phát triển cá nhân của những con người"⁴³; và con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của tiến trình phát triển lịch sử, con người làm nên lịch sử của chính mình và do vậy, lịch sử là lịch sử của con người, do con người và vì con người.

Theo chủ nghĩa Mác con người là khái niệm chỉ những cá thể người như một chỉnh thể trong sự thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội của nó. Con người là sản phẩm của sự tiến hoá lâu dài từ giới tự nhiên và giới sinh vật. Do vậy nhiều quy luật sinh vật học cùng tồn tại và tác động đến con người. Để tồn tại với tư cách là một con người trước hết con người cũng phải ăn phải uống... Điều đó giải thích vì sao Mác cho rằng con người trước hết con người cũng phải ăn, mặc ở rồi mới làm chính trị. Nhưng chỉ dừng lại ở một số thuộc tính sinh học của con người thì không thể giải thích được bản chất của con người. Không chỉ có "con người là tổng hoà các quan hệ xã hội" mà thực ra quan điểm của Mác là một quan điểm toàn diện.

Mác và Ăngghen nhiều lần khẳng định lại quan điểm của những nhà triết học đi trước rằng. Con người là một bộ phận của giới tự nhiên, là một động vật xã hội, nhưng khác với họ, Mác, Ăngghen; xem xét mặt tự nhiên của con người, như ăn, ngủ, đi lại, yêu thích... Không còn hoàn toàn mang tính tự nhiên như ở con vật mà đã được xã hội hoá. Mác viết: "Bản chất của con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó bản chất của con người là tổng hoà của các quan hệ xã hội" con người là sự kết hợp giữa mặt tự nhiên và mặt xã hội nên Mác nhiều lần đã so sánh con người với con vật, so sánh con người với những con vật có bản năng gần giống với con người... Và để tìm ra sự khác biệt đó. Mác đã chỉ ra sự khác biệt ở nhiều chỗ như chỉ có con người làm ra tư liệu sinh hoạt của mình, con người biến đổi tự nhiên theo quy luật của tự nhiên, con người là thước đo của vạn vật, con người sản xuất ra công cụ sản xuất... Luận điểm xem con người là sinh vật biết chế tạo ra công cụ sản xuất được xem là luận điểm tiêu biểu của chủ nghĩa Mác về con người.

Luận điểm của Mác coi "Bản chất của con người là tổng hoà các quan hệ xã hội" Mác hoàn toàn không có ý phủ nhận vai trò của các yếu tố và đặc điểm sinh học của con người, ông chỉ đối lập luận điểm coi con người đơn thuần như một phần của giới tự nhiên còn bỏ qua, không nói gì đến mặt xã hội của con người. Khi xác định bản chất của con người trước hết Mác nêu bật cái chung, cái không thể thiếu và có tính chất quyết định làm cho con người trở thành một con người.

Quan niệm của Mác về định hướng phát triển xã hội lấy sự phát triển của con người làm thước đo chung càng được khẳng định trong bối cảnh lịch sử của xã hội loài người. Ngày nay loài người đang sống trong bối cảnh quốc tế đầy những biến động, cộng đồng thế giới đang thể hiện hết sức rõ ràng tính đa dạng trong các hình thức phát triển của nó xã hội loài người kể từ thời tiền sử cho đến nay bao giờ cũng là một hệ thống thống nhất tuy nhiên cũng là một hệ thống hết sức phức tạp và chính vì sự phức tạp đó đã tạo nên tính không đồng đều trong sự phát triển kinh tế xã hội ở các nước, các khu vực khác nhau. Đến lượt mình, tính không đồng đều của sự phát triển này lại hình thành nên một bức tranh nhiều

⁴³ C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. CTQG, Hà Nội.

màu sắc về định hướng nào, thì mọi định hướng phát triển vẫn phải hướng tới giá trị nhân văn của nó - tới sự phát triển con người.

2.2. Vấn đề giải phóng con người

Theo Mác ý nghĩa lịch sử mục đích cao cả của sự phát triển xã hội là phát triển con người toàn diện, nâng cao năng lực và phẩm giá con người, giải phóng con người, loại trừ ra khỏi cuộc sống con người để con người được sống với cuộc sống đích thực. Và bước quan trọng nhất trên con đường đó là giải phóng con người về mặt xã hội.

Điều đó cho thấy trong quan niệm của Mác thực chất của tiến trình phát triển lịch sử xã hội loài người là vì con người, vì cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn cho con người, phát triển con người toàn diện và giải phóng con người, nói theo Ăngghen là đưa con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do, con người cuối cùng cũng là người tồn tại của xã hội của chính mình, đồng thời cũng trở thành người chủ của tự nhiên, người chủ bản thân mình. Đó là quá trình mà nhân loại đã tự tạo ra cho mình những điều kiện, những khả năng cho chính mình nhằm đem lại sự phát triển toàn diện, tự do và hài hoà cho mỗi con người trong cộng đồng nhân loại tạo cho con người năng lực làm chủ tiến trình lịch sử của chính mình.

Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C. Mác đã phát hiện ra tính hai mặt của lao động, của sở hữu tư nhân và từ đó, khẳng định chính lao động bị tha hoá là nguồn gốc cơ bản trực tiếp và sở hữu tư nhân là nguồn gốc suy đến cùng đã dẫn đến mọi nỗi khổ đau của nhân loại, của mỗi con người và làm cho con người bị tha hoá.

Nếu Ph. Hêghen chỉ nhìn thấy mặt khẳng định của lao động với tư cách nhân tố sản sinh ra con người, thì C. Mác khẳng định lao động không chỉ là mặt khẳng định - nhân tố tạo ra con người, giúp con người không ngừng hoàn thiện và phát triển, khi nó là lao động tự nguyện. Trong chế độ tư hữu, khi lao động là lao động cưỡng bức, lao động đã bị tha hoá, thì nó là mặt phủ định, là nhân tố hành hạ, huỷ hoại con người. Ở đây, C. Mác đã khắc phục cách nhìn phiến diện của Ph. Hêghen về lao động để thay vào đó cách nhìn biện chứng, lịch sử và cụ thể về vai trò của lao động đối với sự phát triển con người. Từ đó, C. Mác đã đi tới kết luận quan trọng đầu tiên trong học thuyết về sự tự giải phóng con người của mình là: Sở hữu tư nhân, nhất là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa với tư cách kết quả của quá trình lao động bị tha hoá đã trở thành nguyên nhân suy đến cùng, nguyên nhân chủ yếu và cơ bản nhất gây ra những tai hoạ khủng khiếp cho con người, làm tha hoá con người và do vậy, để giải phóng con người, cần phải xoá bỏ thứ sở hữu tư nhân đó.

Xét góc độ từ giai cấp công nhân, giai cấp chiếm đa số trong xã hội tư bản, thì chính sở hữu tư nhân và lao động bị tha hoá đã biến lao động của họ thành hoạt động xa lạ, do chủ tư bản quyết định, hoạt động cho nhà tư bản, vì nhà tư bản và do vậy, nó không chỉ làm cho họ bị què quặt, kiệt quệ về thể xác và tinh thần, hạ thấp vai trò của lao động từ một phương diện để thể hiện và phát triển những lực lượng bản chất của con người xuống ngang bằng hoạt động của các loài động vật, chỉ còn biết dùng "lao động" để chỉ duy trì sự tồn tại của mình, mà còn biến "cái vốn có của súc vật trở thành chức phận của con người, còn cái có tính người thì biến thành cái vốn có của súc vật"⁴⁴. Và trong xã hội tư bản, xu hướng ấy

⁴⁴ C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb. CTQG, tr.133.

ngày càng phát triển, vì “công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta có thể tiêu dùng càng ít; anh ta tạo ra càng nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng bị mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta tạo ra càng đẹp thì anh ta càng què quặt; vật phẩm do anh ta tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống với người dã man; lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu; công việc anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên”⁴⁵. Như vậy, nếu như phải mất hàng chục vạn năm để những động vật cao cấp tiến hoá thành con người hiện đại, thì chính sở hữu tư nhân và lao động bị tha hoá trong chế độ tư bản chủ nghĩa đã “giúp” con người trở lại, lùi về địa vị “con vật” với đúng nghĩa của từ này.

Xét góc độ từ giai cấp tư sản, giai cấp tư sản là người chủ của xã hội, họ nắm toàn bộ quyền sinh, quyền sát trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tương như họ được tự do tuyệt đối với niềm vui và hạnh phúc tràn trề, nhưng không, họ cũng trở thành nô lệ cho chính những đồng tiền của mình. Bởi vì, ông chủ thật sự của xã hội tư bản là tư bản, là tiền. Tiền là sức mạnh, là thước đo giá trị của mỗi con người trong xã hội tư bản. Nỗi lo sợ mất tiền, cùng với khát vọng có nhiều tiền, để có cơ hội chiến thắng trong cuộc chiến khốc liệt diễn ra thường xuyên giữa chính những người tư sản và các tập đoàn tư bản đã vô tình xô đẩy họ vào vòng xoáy bạo lực, bị chính những đồng tiền của mình sai khiến tới mức mù quáng, mê muội. Ma lực của đồng tiền đã làm cho các nhà tư bản hy sinh mọi niềm vui, hạnh phúc chân chính của con người. Vì tiền, họ có thể bán cả lương tâm, danh dự, tình yêu, phẩm giá, hy sinh cả người ruột thịt, chém giết, đọa đày đồng loại, thậm chí hy sinh cả tính mạng của mình. Thực tiễn đã chứng minh: nếu lợi nhuận 100% thì nhà tư bản bất chấp pháp luật, lợi nhuận 200% thì không có gì ác nó không làm, còn lợi nhuận 300% thì có treo cổ nó lên, nó vẫn làm. Như vậy, với mong muốn có nhiều tiền để sống tự do, hạnh phúc, những người tư sản đã không từ một thủ đoạn nào; nhưng càng có nhiều tiền, họ càng mù quáng, mê muội, càng mất tự do, càng mất đi hạnh phúc làm người.

Theo C. Mác, “chế độ tư hữu và lao động bị tha hoá là cái làm cho suy nghĩ của con người trở nên “ngu xuẩn và phiến diện”, làm “thô lỗ hoá” mọi nhu cầu của con người, biến mọi cảm giác vô cùng đa dạng, phong phú của con người thành “cảm giác chiếm hữu”. Đâu đâu cũng là hoạt động bóc lột những lực lượng bản chất người; bóc lột, tàn phá tự nhiên; làm tha hoá con người. Vì thế, C.Mác đã khẳng định, xoá bỏ chế độ tư hữu và lao động bị tha hoá là lời kêu gọi khẩn thiết nhất nhằm cứu lấy con người, *giải phóng con người*.”

Cũng với tư duy biện chứng duy vật và trên cơ sở kế thừa những tư tưởng tiến bộ của các nhà triết học, xã hội học tiền bối và đương thời, C. Mác đã khẳng định chủ nghĩa cộng sản chính là sự phủ định một cách tất yếu, tự nhiên mà lịch sử xã hội loài người dành cho chế độ tư hữu và cũng là một bước tiến lớn của lịch sử trong sự nghiệp giải phóng con người, để trả lại những gì mà chế độ tư hữu đã cướp đi, đã lấy đi của con người. Do vậy, chủ nghĩa cộng sản như là “sự xoá bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu - sự tự tha hoá ấy của con người”, là “chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị” với tư cách yêu cầu khách quan của cuộc sống, là “chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị”, là “sự chiếm hữu một cách thực sự bản chất con người bởi con người, vì con người”.

⁴⁵ C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 26, Nxb. CTQG, Hà Nội.

Để xóa bỏ chế độ tư hữu, con người cần phải hiểu được bản chất của nó. Song, như C.Mác đã khẳng định: “Đúng là con người đã hiểu khái niệm chế độ tư hữu, nhưng nó chưa làm rõ được cho mình bản chất của chế độ đó, và do vậy, chừng nào mà con người còn chưa nhận thức được “bản chất tích cực của chế độ tư hữu và chưa hiểu được tính chất *con người* của nhu cầu” thì họ “còn bị chế độ tư hữu cầm tù và truyền nhiễm” (6). Hơn nữa, theo C. Mác, “muốn xoá bỏ *tư tưởng* về chế độ tư hữu, thì *tư tưởng* về chủ nghĩa cộng sản là hoàn toàn đủ rồi. Còn muốn xoá bỏ chế độ tư hữu trong hiện thực thực tế thì phải có hành động cộng sản chủ nghĩa *hiện thực*”.

Chính vì vậy, để giải phóng con người khỏi mọi sự tha hóa, sau này, C. Mác đã tự xác định cho mình nhiệm vụ phải làm rõ bản chất của chế độ tư hữu và phát hiện, khơi dậy, tập hợp, phát triển những hành động cộng sản do chính lịch sử đem lại. Cũng do vậy, ngay sau khi hoàn thành *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* và đến những phút chót của cuộc đời, C. Mác đã dốc toàn bộ tâm lực của mình vào việc luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn cách mạng, với mong muốn giúp nhân loại sớm thoát khỏi cảnh đọa đày, đau khổ để trở về với con người với tất cả những gì tốt đẹp của từ này. Vì thế, những tác phẩm sau này của C.Mác, như *Sự khốn cùng của triết học*, *Tư bản*,... và những tác phẩm mà C. Mác và Ph. Ăngghen viết chung, dù rất ít, hoặc không trực tiếp đề cập tới vấn đề giải phóng con người, thậm chí cả khi bàn về vấn đề bạo lực và chiến tranh, vẫn thấm đượm tinh thần giải phóng con người. Bởi các tác phẩm này, cùng với những hoạt động thực tiễn của hai ông, đều nhằm đấu tranh với những quan điểm phản diện, giúp nhân loại nhận thức đúng bản chất của chế độ tư bản chủ nghĩa, nhận thức đúng chủ nghĩa cộng sản như một nguyên tắc tất yếu, khách quan, tiên quyết của cuộc sống hiện thực và chỉ ra những con đường, biện pháp đúng đắn để con người, trước hết là giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động, tự giác đứng lên làm cuộc cách mạng nhằm “xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu”, xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản, hoàn thành sự nghiệp giải phóng con người.

Khẳng định bản chất xã hội của con người và vị thế chủ thể sáng tạo lịch sử của con người, C. Mác còn đi đến quan niệm rằng, trình độ giải phóng xã hội luôn được thể hiện ra ở sự tự do của xã hội; giải phóng cá nhân tạo ra động lực cho sự giải phóng xã hội và đến lượt mình, giải phóng xã hội lại trở thành điều kiện thiết yếu cho sự giải phóng cá nhân; con người tự giải phóng mình và qua đó, giải phóng xã hội, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Rằng, con người được giải phóng và được tự do phát triển toàn diện - đó là một trong những đặc trưng cơ bản của chế độ xã hội mới, chế độ xã hội mà giai cấp vô sản cách mạng và chính đảng của nó có sứ mệnh phải xây dựng.

Với cách đặt vấn đề như vậy, C. Mác đã coi *giải phóng con người, phát triển con người toàn diện*, “phát triển sự phong phú của bản chất con người” là “*mục đích tự thân*” của sự phát triển và tiến bộ xã hội. Giải phóng con người, phát triển con người toàn diện cùng với phát triển lực lượng sản xuất là “*phương hướng duy nhất*” để không chỉ “*làm tăng thêm nền sản xuất xã hội*”, mà còn để “*sản xuất ra những con người phát triển toàn diện*” và hơn nữa, còn là “*một trong những biện pháp mạnh nhất*” để cải biến xã hội hiện tồn, đưa cả cộng đồng nhân loại đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Kết luận

Có thể khẳng định, học thuyết Mác về con người và giải phóng con người chính là cái đã cùng với luận điểm của ông về sứ mệnh cao cả của triết học - không chỉ "giải thích thế giới", mà còn phải "cải tạo thế giới" bằng cách mạng và quan niệm duy vật về lịch sử mà ông là người đầu tiên phát hiện ra đã làm nên *một cuộc cách mạng vĩ đại* trong lịch sử tư tưởng triết học nhân loại và mang lại cho triết học Mác *vinh quang tột đỉnh* của một học thuyết cách mạng triệt để và khoa học thật sự.

Cùng với phép biện chứng duy vật và quan niệm duy vật về lịch sử, học thuyết Mác về con người và giải phóng con người, giải phóng nhân loại cũng là cái làm nên ý nghĩa thời đại và sức sống ~~trường~~ tồn của triết học Mác. Bởi lẽ, như thực tiễn lịch sử phát triển nhân loại đã chứng tỏ, mọi sự phát triển của xã hội sẽ chẳng có ý nghĩa gì và cũng chẳng là gì cả, nếu ở đó con người không được giải phóng, con người không được tự do phát triển những năng khiếu thể chất và trí lực của mình. Thực tiễn lịch sử phát triển nhân loại cũng cho thấy học thuyết Mác về con người, về giải phóng con người và nhân loại khỏi mọi sự tha hóa để con người được tự do phát triển, được sống với bản chất người đích thực, với chữ Người viết hoa vẫn còn nguyên giá trị trong đại ngày nay, vẫn là nguồn cổ vũ, khích lệ, thúc đẩy và là kim chỉ nam dẫn đường cho chúng ta trong cuộc đấu tranh vì con người, cho con người và giải phóng con người, giải phóng nhân loại, vẫn soi sáng con đường cách mạng tự giải phóng của nhân loại tiến bộ trên thế giới. Rằng, học thuyết này, ý nghĩa nhân đạo và giá trị nhân văn của nó, luận điểm nổi tiếng của C.Mác về "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" và lý tưởng cao cả, mục đích duy nhất mà ông hướng tới là đưa "con người từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do" càng chứng tỏ triết học Mác duy nhất là *triết học nhân văn tích cực, triết học nhân văn hiện thực*, có khả năng cải tạo thế giới và do vậy, triết học đó luôn mang ý nghĩa thời đại và mãi trường tồn với lịch sử nhân loại.

"Mọi triết học chân chính đều là tinh hoa về mặt tinh thần của thời đại mình". C.Mác đã khẳng định như vậy. *Triết học Mác* cũng thế, nó là "*tinh hoa*" của thời đại chúng ta. Triết học Mác, với hạt nhân là phép biện chứng duy vật - khoa học về những quy luật phổ biến nhất của tự nhiên, của xã hội và của tư duy con người, với quan niệm duy vật về lịch sử-thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học, lấy con người làm trung tâm, lấy giải phóng con người, giải phóng nhân loại và phát triển con người toàn diện làm mục tiêu cuối cùng, không chỉ là "tinh hoa" của thời đại chúng ta - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mà còn là *tinh hoa trí tuệ của toàn nhân loại*, là sự *kết tinh những tinh hoa tư tưởng triết học của nhân loại* trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển của nó. Với tư cách đó, triết học Mác không chỉ mang ý nghĩa thời đại, mà còn mãi trường tồn với lịch sử nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. CTQG, Hà Nội.
2. C. Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 42, Nxb. CTQG, tr.133.
3. C. Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 26, Nxb. CTQG, Hà Nội.